

**QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH  
ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHƯƠNG TRÌNH  
GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH, TIÊN TIẾN  
(Áp dụng cho khóa 2023)**

- 1. Phạm vi áp dụng:** tất cả các sinh viên (sau đây gọi tắt là SV) khóa 2023 thuộc các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, tiên tiến.
- 2. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh (sau đây gọi tắt là chuẩn NNTA):**
  - **Định nghĩa:** là điều kiện trúng tuyển vào Trường và là chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Để được công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ này, SV cần nộp các loại chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (sau đây gọi tắt là CCTA) được Trường công nhận như trong Bảng 1:

*Bảng 1. Quy định về loại CCTA và mức điểm đạt chuẩn NNTA.*

CCTA được chấp nhận	Điểm tối thiểu đạt chuẩn
IELTS Academic	6.0
TOEFL iBT	79
TOEIC (04 kỹ năng)	Nghe + Đọc: 730 Nói + Viết: 280

- 3. Chuẩn tiếng Anh sơ tuyển:**
  - **Định nghĩa:** là chuẩn tiếng Anh tối thiểu SV cần đạt được để đủ điều kiện dự tuyển vào các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, tiên tiến.
  - Chuẩn tiếng Anh sơ tuyển của khóa 2023 được quy định là IELTS 4.5 trên thang IELTS 9.0 hoặc tương đương. SV có thể lựa chọn đăng ký các loại bài thi tiếng Anh được Trường công nhận để có kết quả xét năng lực tiếng Anh.
  - Với các định dạng bài thi khác bài thi IELTS, mức điểm tương đương cụ thể của các bài thi được quy định như trong Bảng 2:

*Bảng 2. Mức điểm tiếng Anh sơ tuyển đối với các định dạng bài thi*

STT	Loại bài thi	Điểm tiếng Anh sơ tuyển
1	IELTS Academic	4.5
2	TOEFL iBT	34
3	TOEIC 04 kỹ năng	Nghe & Đọc: 400 Nói & Viết: 200
4	Duolingo	65
5	Linguaskill	153
6	PET	153
7	FCE	153
8	CAE	153
9	PTE (Academic)	28

- Đối với các SV có nguyện vọng đăng ký vào các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, tiên tiến nhưng chưa có bất kỳ một loại chứng chỉ ngoại ngữ nào để xác nhận năng lực tiếng Anh tại thời điểm xét tuyển, Văn phòng Đào tạo Quốc tế chọn **bài thi Duolingo** làm bài thi sơ tuyển tiếng Anh cho SV.



- Căn cứ vào kết quả bài thi sơ tuyển tiếng Anh, SV sẽ được xét chuẩn NNTA như trong Bảng 3:

Bảng 3. Quy định xét chuẩn NNTA

STT	Chuẩn NNTA	Điều kiện xét		Ghi chú
1	Đạt	Có CCTA đạt mức điểm tối thiểu theo Bảng 1	Còn hiệu lực đến hết ngày <b>12/11/2023</b> (thi từ ngày 12/11/2021 trở về sau)	- Được xét thẳng vào chương trình chính khóa. <b>Lưu ý:</b> SV cần thực hiện các bước thẩm tra CCTA sau khi nhập học để được công nhận đạt chuẩn NNTA (SV theo dõi hướng dẫn được gửi qua email SV (...@hcmut.edu.vn) dự kiến vào giữa tháng 10/2023).
2	Tạm đạt	Có CCTA đạt mức điểm tối thiểu theo Bảng 1	Hết hiệu lực (chỉ chấp nhận thi từ ngày <b>11/11/2020</b> – đến hết ngày <b>11/11/2021</b> )	- Được xét thẳng vào chương trình chính khóa. - Phải hoàn thành việc công nhận đạt chuẩn NNTA trong tối đa 01 năm từ khi nhập học.
		Có kết quả thi sơ tuyển tối thiểu tương đương IELTS 6.0 theo Bảng 4 (*)	Tại thời điểm xét tuyển	
3	Không đạt	Có CCTA với mức điểm theo Bảng 5	Thi từ ngày <b>11/11/2020</b> trở về sau	- SV được xếp lớp tiếng Anh chương trình giảng dạy Anh văn tăng cường tương ứng với trình độ. - Phải hoàn thành việc công nhận đạt chuẩn NNTA trong tối đa 01 năm từ khi nhập học.
		Có kết quả thi sơ tuyển theo Bảng 5	Tại thời điểm xét tuyển	

(\*) Đối với các loại bài thi sơ tuyển khác với 03 loại CCTA quy định trong Bảng 1, SV được công nhận tạm đạt chuẩn NNTA và xét vào chương trình chính khóa nếu đạt điểm như trong Bảng 4:

Bảng 4. Điểm bài thi sơ tuyển được công nhận tạm đạt chuẩn NNTA

STT	Loại bài thi	Điểm tiếng Anh
1	Duolingo	105
2	Linguaskill	173
3	FCE	173
4	CAE	173
5	PTE (Academic)	50

**Lưu ý:**

- Thời hạn cung cấp thông tin CCTA **xét chuẩn tiếng Anh sơ tuyển:** theo thông báo của Nhà trường trên các kênh truyền thông chính thức tại thời điểm nộp hồ sơ và xét tuyển.
- Thời hạn cung cấp thông tin CCTA **xét đạt chuẩn NNTA:** chậm nhất 07 ngày trước ngày bắt đầu của học kỳ chính khóa 231 (học kỳ 1, năm học 2023 – 2024).
- **Quy định về tính hiệu lực của CCTA:**
  - + **Chứng chỉ TOEIC:** ngày còn hiệu lực áp dụng cho cả 04 kỹ năng
  - + **Chứng chỉ TOEFL iBT:** không nhận chứng chỉ đã hết hiệu lực vì không thể thẩm định sau khi chứng chỉ đã hết hạn.



#### 4. Xếp lớp tiếng Anh trong HK Pre-University:

- SV không đạt chuẩn NNTA được xếp lớp tiếng Anh trong chương trình Giảng dạy Anh văn tăng cường (sau đây gọi tắt là GD AVTC), học kỳ Pre-University như trong Bảng 5:

Bảng 5. Quy định xếp lớp tiếng Anh chương trình GD AVTC

IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEIC		Duolingo	PET	Linguaskill	FCE	CAE	PTE	Xếp lớp
		Nghe + Đọc	Nói + Viết							
5.0 - 5.5	46 - 78	460 - 725	210 - 270	80 - 100	160 - 170	160 - 172			29 - 49	IELTS LEVEL 4
4.5	34 - 45	400 - 455	200	65 - 75	153 - 159			28	IELTS LEVEL 3	

#### 5. Chương trình Giảng dạy Anh văn tăng cường:

- 5.1. Đối tượng áp dụng: SV chưa đạt chuẩn NNTA được xếp lớp học các học phần IELTS, cấp độ từ IELTS Level 3 đến IELTS Level 4.

#### 5.2. Tổng quan:

- Học kỳ Pre-University 1 được tổ chức trong 14 tuần (bao gồm tuần dự trữ và tuần thi).
- Việc tổ chức Học kỳ Pre-University 2 phụ thuộc vào số lượng Sinh viên cần tiếp tục học tiếng Anh sau HK Pre-University 1.
- Việc tổ chức Học kỳ Pre-University 3 phụ thuộc vào số lượng Sinh viên cần tiếp tục học tiếng Anh sau HK Pre-University 2.
- Điều kiện vào chương trình chính khóa của chương trình GD AVTC được thể hiện như trong Bảng 5:

Bảng 5. Quy định chuẩn đầu ra của chương trình GD AVTC

Trình độ	Điều kiện lên trình độ	Điều kiện vượt trình độ	Điều kiện vào chương trình chính khóa
IELTS Level 4 (5.0 - 5.5)	Không có	Không có	Điểm TBMH $\geq$ 60 HOẶC IELTS mô phỏng $\geq$ 6.0
IELTS Level 3 (4.5)	Điểm TBMH $\geq$ 55 HOẶC IELTS mô phỏng = 5.0 - 5.5	Không có	Điểm TBMH $\geq$ 62.5 HOẶC IELTS mô phỏng $\geq$ 6.0

#### Ghi chú:

- TBMH: là điểm trung bình các điểm quá trình, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ (thang điểm 100).
- IELTS mô phỏng: là điểm thi IELTS trong kỳ thi IELTS mô phỏng nội bộ (IELTS Simulation) cuối học kỳ (thang điểm IELTS 9.0)



## 6. Điều kiện tiếng Anh để chuyển tiếp:

6.1. Đối tượng áp dụng: SV chương trình chuyển tiếp quốc tế.

6.2. Quy định chuẩn tiếng Anh chuyển tiếp: của các trường cụ thể như trong Bảng 6.

Bảng 6. Quy định chuẩn tiếng Anh chuyển tiếp của các trường đối tác

Trường	Chứng chỉ IELTS (Academic) tối thiểu	Chứng chỉ TOEFL iBT tối thiểu	PTE (Academic) tối thiểu
ĐH Queensland (Úc)	6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0)	87 (Viết 21, Nghe, Đọc, Nói từ 19)	64 (không có điểm thành phần dưới 60)
ĐH Adelaide (Úc)	6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0)	79 (Viết 21, Nói 18, Nghe và Đọc từ 13)	58 (không có điểm thành phần dưới 50)
ĐH Griffith (Úc) (*)	6.0 (không có điểm thành phần dưới 5.5)	71 (Viết 19, Nghe, Đọc, Nói từ 17)	50 (không có điểm thành phần dưới 42)
ĐH Macquarie (Úc)	6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0)	83 (Nghe 12, Đọc 13, Viết 21, Nói 18)	58 (không có điểm thành phần dưới 50)
ĐH Công nghệ Sydney (Úc)	6.5 (điểm viết từ 6.0 trở lên)	79-93 (điểm viết từ 21 trở lên)	58-64 (điểm viết từ 50 trở lên)
ĐH Monash (Úc)	6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0)	79 (Viết 21, Nói 18, Nghe 12, Đọc 13)	58 (không có điểm thành phần dưới 50)
ĐH Otago (New Zealand)	6.0 (không có điểm thành phần dưới 5.5)	80 (điểm Viết từ 20 trở lên)	50 (không có điểm thành phần dưới 42)
ĐH Auckland (New Zealand)	6.0 (không có điểm thành phần dưới 5.5)	80 (điểm Viết từ 21 trở lên)	50 (không có điểm thành phần dưới 42)

(\*) Áp dụng đối với SV thuộc chương trình Chuyển tiếp Quốc tế giữa ĐH Bách khoa và ĐH Griffith.

### Lưu ý:

- Điểm chuẩn tiếng Anh như trong Bảng 6 dùng để tham khảo. Tùy vào thời điểm SV nộp hồ sơ chuyển tiếp sẽ được cập nhật yêu cầu chuẩn tiếng Anh cho từng đối tác.
- CCTA quốc tế của SV phải còn thời hạn 02 năm tại thời điểm nhập học tại trường đối tác.

Người đề xuất

Nguyễn Thị Mai Hằng

Trưởng BP. Học vụ

Lê Thị Thảo

Giám đốc

Đặng Đăng Tùng